

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo hướng dẫn giải Bài 4: Người nặn tò he trang 92 VBT Tiếng Việt lớp 2 Tập 1 sách Chân Trời Sáng Tạo được đội ngũ chuyên gia biên soạn đầy đủ và ngắn gọn dưới đây.

Giải VBT Tiếng Việt lớp 2- Chân Trời Sáng Tạo Bài 4: Người nặn tò he

Câu 1 (trang 92 vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 CTST Tập 1)

Nghe – viết: *Vượt qua lốc dữ* (SGK, tr.142)

Hướng dẫn

Học sinh lắng nghe giáo viên đọc từng cụm từ ở bài và viết vào vở bài tập.

Vượt qua lốc dữ

Biển vẫn gào thét. Gió vẫn từng cơn đẩy nước dồn ú lại, rồi đột ngột giãn ra. Con tàu vẫn lặn hụp như con cá kính giữa muôn nghìn lớp sóng. Thuyền trưởng Thắng vẫn điềm tĩnh chỉ huy đoàn tàu vượt qua cơn lốc dữ.

Đình Kính

Câu 2 (vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 CTST Tập 1 trang 93)

Viết tiếng bắt đầu bằng cứ *ng* hoặc *nh*:

- a. Trong bài chính tả.
- b. Ngoài bài chính tả.

Trả lời

- a. Trong bài chính tả.

ngọt, nghìn.

- b. Ngoài bài chính tả.

nghĩ, ngủ.

Câu 3 (trang 93 VBT Tiếng Việt lớp 2 CTST Tập 1)

Viết từ ngữ chỉ đồ vật, công việc hoặc nghề nghiệp:

a. Có tiếng bắt đầu bằng chữ *s*. **M:** bác sĩ

Có tiếng bắt đầu bằng chữ *x*. **M:** thợ xây

b. Có tiếng chứa vần *uốc*. **M:** cuộc đất

Có tiếng chứa vần *uôt*. **M:** tuốt lúa

Trả lời

a. Có tiếng bắt đầu bằng chữ *s*: **kĩ sư.**

Có tiếng bắt đầu bằng chữ *x*: **xe máy.**

b. Có tiếng chứa vần *uốc*: **đôi guốc.**

Có tiếng chứa vần *uôt*: **chuột máy tính.**

Câu 4 (trang 94 vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 CTST Tập 1)

Phân loại các từ ngữ trong khung vào 4 nhóm:

| | | | |
|-----------|-------------|-----------|------------|
| công nhân | công trường | bệnh viện | nông dân |
| máy khoan | cày ruộng | máy cày | lái tàu |
| khám bệnh | ống nghe | bác sĩ | đồng ruộng |

a. Chỉ người lao động.

b. Chỉ hoạt động của người lao động.

- c. Chỉ vật dụng dùng khi lao động.
- d. Chỉ nơi lao động.

Trả lời

- a. Chỉ người lao động: công nhân, nông dân, bác sĩ.
- b. Chỉ hoạt động của người lao động: **cày ruộng, lái tàu, khám bệnh.**
- c. Chỉ vật dụng dùng khi lao động: máy khoan, máy cày, ống nghe.
- d. Chỉ nơi lao động: bệnh viện, đồng ruộng, công trường.

Câu 5 (vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 CTST trang 95 Tập 1)**Điền từ ngữ ở bài tập 4 phù hợp vào chỗ trống:**

- a. Ngoài đồng, bác đang Chiếc như một con bọ ngựa khổng lồ đang chăm chỉ làm việc.
- b. Đêm ấy, bé Vân sốt cao, phải vào Em lo lắng nhìn ông già đeo kính trắng, cổ đeo cái như chiếc vòng bạc. Khi cho Vân, đôi mày ông cứ nhíu lại như nghĩ ngợi điều gì. Cuối cùng, đôi mắt ông sáng lên làm mẹ và Vân cảm thấy nhẹ cả người: “Cháu bị cảm thôi! Chị cứ yên tâm”.

Theo Ngô Quân Miện

Trả lời

- a. Ngoài đồng, bác **nông dân** đang **cày ruộng**. Chiếc **máy cày** như một con bọ ngựa khổng lồ đang chăm chỉ làm việc.
- b. Đêm ấy, bé Vân sốt cao, phải vào **bệnh viện**. Em lo lắng nhìn ông **bác sĩ** già đeo kính trắng, cổ đeo cái **ống nghe** như chiếc vòng bạc. Khi **khám bệnh** cho Vân, đôi mày ông cứ nhíu lại như nghĩ ngợi điều gì. Cuối cùng, đôi mắt ông sáng lên làm mẹ và Vân cảm thấy nhẹ cả người: “Cháu bị cảm thôi! Chị cứ yên tâm”.

Câu 6 (trang 95 VBT Tiếng Việt lớp 2 CTST Tập 1)**Viết 4 – 5 về đồ chơi em thích dựa vào gợi ý:**

- a. Em thích đồ chơi gì?
- b. Đồ chơi đó có những đặc điểm gì đáng chú ý về:

| | |
|-----------------|--|
| Hình dáng | |
| Màu sắc | |
| Bộ phận nổi bật | |
| Hoạt động | |

- c. Tình cảm của em với đồ chơi đó.

Trả lời

Đồ chơi em yêu thích nhất là búp bê. Búp bê có đôi mắt đen và bím tóc vàng xinh xắn. Cái miệng nhỏ nhắn hình trái tim. Búp bê mặc váy hoa viền đỏ sặc sỡ. Em rất yêu búp bê của mình.

Câu 7 (trang 96 vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 CTST Tập 1)**Viết vào Phiếu đọc sách những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về nghề nghiệp.****PHIẾU ĐỌC SÁCH**

Tên bài văn:

Tác giả:

Câu văn hay:

Thông tin em thích:

Trả lời

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn: Người nặn tò he.

Tác giả: Thảo Nguyên.

Câu văn hay: Thỉnh thoảng, bác Huấn nặn riêng cho tôi một chú lính áo vàng, áo đỏ hay vài anh chim bói cá lấp lánh sắc xanh.

Thông tin em thích: Tò he có nhiều màu sắc.